

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**
- Mã chứng khoán: **TCT**
- Địa chỉ: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: (0276) 3823448
- Website: <https://catour.com.vn>
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thế Hùng
- Chức vụ: Người Ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*)

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.
- Báo cáo giải trình lợi nhuận năm 2024 sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán.
- Báo cáo giải trình lợi nhuận năm 2024 giảm so với năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn: <https://catour.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Người Ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phạm Thế Hùng

Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-22

31007
C
TRÁCH
HẠN
HOA

3900
CÔNG
CÁ
NÚI BÀ
TÂY NINH

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch/Giám đốc
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21/06/2024
Ông Võ Như Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2024
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Trần Trung Kiên – Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1



Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2025-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		330.505.329.732	349.060.655.570
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	2.232.463.859	2.265.003.393
111	1. Tiền		2.232.463.859	140.003.393
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.125.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.595.000.000	23.870.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	11.595.000.000	23.870.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		306.099.246.892	314.197.944.514
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.055.794.657	250.057.019
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	71.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	301.000.000.000	290.352.328.771
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.043.452.235	23.524.558.724
140	IV. Hàng tồn kho		9.707.111.131	7.818.408.565
141	1. Hàng tồn kho	8	9.707.111.131	7.818.408.565
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		871.507.850	909.299.098
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	294.181.664	1.666.664
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		577.326.186	907.632.434
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.527.764.077	12.615.616.759
220	I. Tài sản cố định		10.586.009.791	11.911.409.189
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.586.009.791	11.911.409.189
222	- Nguyên giá		295.026.108.234	296.067.193.352
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(284.440.098.443)	(284.155.784.163)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		812.220.494	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	812.220.494	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.129.533.792	704.207.570
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.129.533.792	704.207.570
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		343.033.093.809	361.676.272.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.382.596.579	30.448.453.991
310	I. Nợ ngắn hạn		7.382.596.579	30.448.453.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.428.478.078	21.415.820.904
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.119.609.930	4.675.612.370
314	3. Phải trả người lao động		1.166.247.032	1.927.745.195
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	373.822.290	2.104.514.073
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		11.318.183	11.318.183
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		62.268.649	62.590.849
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		220.852.417	250.852.417
400	D. NGUỒN VỐN		335.650.497.230	331.227.818.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	335.650.497.230	331.227.818.338
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		127.880.000.000	127.880.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.880.000.000	127.880.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		51.418.611.387	51.418.611.387
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		156.351.885.843	151.929.206.951
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		145.535.206.951	133.581.045.590
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.816.678.892	18.348.161.361
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		343.033.093.809	361.676.272.329



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	27.109.145.516	43.115.305.850
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.109.145.516	43.115.305.850
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	18	28.917.925.528	35.306.349.830
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.808.780.012)	7.808.956.020
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	21.352.906.822	24.240.425.376
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	1.329.283.302	4.601.994.195
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.608.072.816	4.447.794.399
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.606.770.692	22.999.592.802
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		17.857.662	-
40	13. Lợi nhuận khác		(17.857.662)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.588.913.030	22.999.592.802
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	2.772.234.138	4.651.431.441
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.816.678.892	18.348.161.361

70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

23

846

1.435

Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.588.913.030	22.999.592.802
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.870.521.398	2.951.081.882
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(21.352.906.822)	(24.240.425.376)
08	3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.893.472.394)	1.710.249.308
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(385.431.390)	1.508.480.579
10	(Tăng) hàng tồn kho		(1.888.702.566)	(2.205.277.232)
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(21.481.809.419)	7.612.534.088
12	(Tăng) chi phí trả trước		(717.841.222)	(239.797.809)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.650.845.441)	(5.947.251.530)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(30.000.000)	(1.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.048.102.432)	2.437.937.404
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.032.779.184)	(696.813.600)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(335.940.000.000)	(50.870.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		337.567.328.771	52.465.000.000
27	4. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.815.013.311	3.420.409.800
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.409.562.898	4.318.596.200
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(32.539.534)	362.533.604
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.265.003.393	1.902.469.789
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.232.463.859	2.265.003.393



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 16 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.880.000.000 VND, tương đương 12.788.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 30 người).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính và hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty vẫn tiếp tục kinh doanh vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo; máng trượt và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, do có thêm sự cạnh tranh từ công ty kinh doanh cáp treo khác khiến cho doanh thu giảm so với năm trước. Bên cạnh đó, tỷ trọng định phí trong cơ cấu giá vốn chiếm tỷ trọng khá cao khiến cho giá vốn không thay đổi nhiều, dẫn đến lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận trước thuế giảm mạnh.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục do kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2025 dự kiến đạt doanh thu 27 tỷ VND và bổ sung 14,7 tỷ VND vào dòng tiền (sau khi đã trừ đi các khoản chi phí cần thiết cho các hoạt động của Công ty).

Ngoài ra, do chưa có kế hoạch thực hiện loại hình kinh doanh mới nên Công ty vẫn sử dụng nguồn tiền nhàn dỗi cho vay các đối tượng doanh nghiệp (Thuyết minh 06).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đúng theo mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, công cụ dụng cụ;
- ▶ Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- ▶ Ước tính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và để bán hàng tồn kho đó.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 09 năm
▶ Tài sản cố định khác	04 - 09 năm
▶ Phần mềm bán vé điện tử	03 năm

2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng;
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 tháng đến 12 tháng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt tại khu vực Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	7.483.772	29.754.792
Tiền gửi ngân hàng	2.224.980.087	110.248.601
Các khoản tương đương tiền	-	2.125.000.000
	2.232.463.859	2.265.003.393

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31/12/2024, "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" có giá trị 11.595.000.000 VND là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,3%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh	892.769.409	247.285.019
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	163.025.248	2.772.000
	1.055.794.657	250.057.019
Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 26)	1.055.794.657	250.057.019

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Các khoản cho vay các đối tượng doanh nghiệp với lãi suất vay quy định tại từng hợp đồng có thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh của bên vay. Hình thức bảo đảm khoản cho vay là tín chấp.

Thời gian đáo hạn các khoản cho vay gồm 2 đợt: đợt 1 đáo hạn 90 tỷ VND vào tháng 4 năm 2025 và đợt 2 đáo hạn 211 tỷ VND vào tháng 12 năm 2025

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	4.032.452.235	23.494.558.724
Tạm ứng	11.000.000	30.000.000
	4.043.452.235	23.524.558.724

8. Hàng tồn kho

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	5.251.352.241	3.502.539.939
Công cụ, dụng cụ	4.455.758.890	4.315.868.626
	9.707.111.131	7.818.408.565

9. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	292.515.000	-
Bảo hiểm, thuế, phí, lệ phí	1.666.664	1.666.664
	294.181.664	1.666.664
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.007.610.500	638.262.311
Chi phí khác	121.923.292	65.945.259
	1.129.533.792	704.207.570

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2024, chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng nhà kho phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	69.597.505.179	209.114.680.607	2.794.211.455	12.402.921.269	2.157.874.842	296.067.193.352
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	545.122.000	-	545.122.000
Thanh lý	(180.757.318)	-	-	(1.405.449.800)	-	(1.586.207.118)
Tại ngày 31/12/2024	69.416.747.861	209.114.680.607	2.794.211.455	11.542.593.469	2.157.874.842	295.026.108.234
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	59.025.742.308	209.009.177.052	2.786.894.279	11.176.095.682	2.157.874.842	284.155.784.163
Khấu hao	810.862.155	72.996.332	5.853.741	980.809.170	-	1.870.521.398
Thanh lý	(180.757.318)	-	-	(1.405.449.800)	-	(1.586.207.118)
Tại ngày 31/12/2024	59.655.847.145	209.082.173.384	2.792.748.020	10.751.455.052	2.157.874.842	284.440.098.443
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	10.571.762.871	105.503.555	7.317.176	1.226.825.587	-	11.911.409.189
Tại ngày 31/12/2024	9.760.900.716	32.507.223	1.463.435	791.138.417	-	10.586.009.791

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 277.212.818.178 VND.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Thái Dương	1.321.681.377	1.321.681.377	1.321.681.377	1.321.681.377
Công ty TNHH Xây dựng C.T.N. Tây Ninh	324.563.310	324.563.310	-	-
Công ty CP Sáng tạo Công nghệ ATIN	304.480.000	304.480.000	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Hòn Thơm	-	-	6.488.100.000	6.488.100.000
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Phương Nam	-	-	6.346.274.749	6.346.274.749
Công ty TNHH Tập đoàn Sun World	-	-	2.299.506.000	2.299.506.000
Khác	477.753.391	477.753.391	4.960.258.778	4.960.258.778
	2.428.478.078	2.428.478.078	21.415.820.904	21.415.820.904

Trong đó, phải trả bên liên quan
(Thuyết minh 26)

	-	-	79.841.958	79.841.958
--	---	---	-------------------	-------------------

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo trì hệ thống cáp, máng trượt	181.881.398	1.998.560.031
Khác	191.940.892	105.954.042
	373.822.290	2.104.514.073

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Năm 2024		31/12/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	9.183.252	9.183.252	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.650.845.441	2.772.234.138	4.650.845.441	-	2.772.234.138
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.143.825	353.476.666	353.232.441	-	10.388.050
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.731.388.622	3.731.388.622	-	-
Các loại thuế khác	-	14.623.104	927.278.445	604.913.807	-	336.987.742
	-	4.675.612.370	7.793.561.123	9.349.563.563	-	3.119.609.930

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2023	127.880.000.000	127.880.000.000	51.418.611.387	51.418.611.387	139.975.045.590	139.975.045.590	319.273.656.977
Lợi nhuận năm trước Chia cổ tức	-	-	-	-	18.348.161.361 (6.394.000.000)	18.348.161.361 (6.394.000.000)	18.348.161.361 (6.394.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	127.880.000.000	127.880.000.000	51.418.611.387	51.418.611.387	151.929.206.951	151.929.206.951	331.227.818.338
Lợi nhuận năm nay Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	10.816.678.892 (6.394.000.000)	10.816.678.892 (6.394.000.000)	10.816.678.892 (6.394.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	127.880.000.000	127.880.000.000	51.418.611.387	51.418.611.387	156.351.885.843	156.351.885.843	335.650.497.230

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/INQ-ĐHĐCĐ/TCT ngày 21/06/2024, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2023 là 6.394.000.000 VND tương ứng tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	51,00	65.220.800.000	51,00
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	9,38	12.000.000.000	9,38
Tập đoàn Bảo Việt	8.459.600.000	6,62	8.459.600.000	6,62
Nhà đầu tư khác	42.199.600.000	33,00	42.199.600.000	33,00
	127.880.000.000	100,00	127.880.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	127.880.000.000	127.880.000.000
- Vốn góp cuối năm	127.880.000.000	127.880.000.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức phải trả trong năm	6.394.000.000	6.394.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	6.394.000.000	6.394.000.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	6.394.000.000	6.394.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	6.394.000.000	6.394.000.000
- Số dư cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 02 (hai) hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 03/10/HĐ-TĐ ngày 24/10/2007, Hợp đồng thuê đất điều chỉnh số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/05/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố

Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

17. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	25.535.581.115	41.313.031.248
Dịch vụ khác	1.573.564.401	1.802.274.602
	27.109.145.516	43.115.305.850
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 26)	3.842.641.476	1.000.859.955

18. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	27.952.054.263	34.509.632.985
Dịch vụ khác	965.871.265	796.716.845
	28.917.925.528	35.306.349.830
Trong đó, giá vốn với bên liên quan (Thuyết minh 26)	6.642.340.971	10.474.774.147

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	21.352.906.822	24.240.425.376
	21.352.906.822	24.240.425.376

20. Chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	-	17.900.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	216.712.869	216.712.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.112.570.433	4.367.381.325
	1.329.283.302	4.601.994.195
Trong đó, chi phí bán hàng với bên liên quan (Thuyết minh 26)	1.095.339.973	909.090.909

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	3.054.898.636	3.301.023.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.965.364	314.312.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	622.914.834	683.248.156
Chi phí bằng tiền khác	676.293.982	149.210.205
	4.608.072.816	4.447.794.399
Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp với bên liên quan (Thuyết minh 26)	15.313.907	15.890.909

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận trước thuế	13.588.913.030	22.999.592.802
Điều chỉnh:	272.257.662	257.564.400
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	272.257.662	257.564.400
Thu nhập tính thuế	13.861.170.692	23.257.157.202
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	2.772.234.138	4.651.431.441
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.650.845.441	5.946.665.530
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.650.845.441)	(5.947.251.530)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.772.234.138	4.650.845.441

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.816.678.892	18.348.161.361
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.816.678.892	18.348.161.361
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.788.000	12.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	846	1.435

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.601.529.849	3.014.435.888
Chi phí nhân công	9.006.796.131	9.979.445.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.870.521.398	2.951.081.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.605.582.151	25.218.889.227
Chi phí khác bằng tiền	4.770.852.117	3.192.285.887
	34.855.281.646	44.356.138.424

25. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.842.641.476	994.122.292
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	1.004.164.373	594.323.211
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	2.838.477.103	399.799.081
Mua hàng hóa và dịch vụ		7.779.061.518	11.409.617.076
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	6.642.340.971	10.474.774.147
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	1.136.720.547	934.842.929
Trả cổ tức		3.261.040.000	3.261.040.000
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	3.261.040.000	3.261.040.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		-	79.841.958
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	-	79.841.958
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.055.794.657	250.057.019
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	163.025.248	2.772.000
Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	892.769.409	247.285.019

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch HĐQT	74.400.000	74.400.000
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	666.000.000	787.446.574
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát		288.000.000	288.000.000
		1.208.400.000	1.329.846.574

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

28. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2025.



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thành Đông
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO
NÚI BÀ TÂY NINH

Số 08 /2025/CV-TCT

(V/v: Báo cáo giải trình lợi nhuận năm
2024 sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán)

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----***-----

Tây Ninh, ngày 31 Tháng 03 năm 2025

TỜ GIẢI TRÌNH

Kính gửi: -Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
-Sở Giao Dịch chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
Trụ sở chính: Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành Phố
Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0276 3 624139 Fax: 0276 3 823448
Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công Ty Cổ phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh
Mã Chứng khoán: TCT

Công Ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh xin báo cáo giải trình về kết quả kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán giảm hơn 5% so với kết quả kinh doanh năm 2024 trước kiểm toán như sau:

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	48.462.052.338	48.462.052.338	
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.528.292.042	10.816.678.892	- 6,17%

Nguyên nhân:

Do đơn vị trích bổ sung một số chi phí của năm 2024 dẫn đến lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán giảm 6,17% so với trước kiểm toán.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán.

Trân trọng kính chào!

- Nơi nhận
- Như trên
- Lưu

Công Ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh



Trần Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO
NÚI BÀ TÂY NINH
Số 09 /2025/CV-TCT

(V/v: Báo cáo giải trình lợi nhuận
Năm 2024 giảm so với năm 2023)

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----***-----

Tây Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ GIẢI TRÌNH

Kính gửi: -Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
-Sở Giao Dịch chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
Trụ sở chính: Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành Phố
Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0276 3 624139 Fax: 0276 3 823448
Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công Ty Cổ phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh
Mã Chứng khoán: TCT

Công Ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh xin báo cáo giải trình về kết quả kinh doanh năm 2024 giảm hơn 10% so với kết quả kinh doanh năm 2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ +/-
1	Tổng doanh thu	48.462.052.338	67.355.731.226	-28,05%
2	Tổng chi phí	34.873.139.308	44.356.138.424	-21,38%
3	Lợi nhuận trước thuế	13.588.913.030	22.999.592.802	-40,92%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.816.678.892	18.348.161.361	-41,05%

Nguyên nhân:

Theo số liệu kết quả kinh doanh năm 2024 so với năm 2023, doanh thu dịch vụ cấp treo xe trượt giảm do số lượng khách tham gia dịch vụ năm 2024 giảm so với năm 2023. Về chi phí, do chi phí cố định chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí và năm 2024 phát sinh thêm một số chi phí bảo trì không thường xuyên, tiền thuê đất điều chỉnh tăng theo chu kỳ 5 năm mới ... dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2024 giảm so với năm 2023.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2024 giảm so với năm 2023.

Trân trọng kính chào!

- Nơi nhận
- Như trên
- Lưu

Công Ty Cổ Phần Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh



Giám Đốc

Trần Trung Kiên